

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-PT  
Ngày 28-02-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Hà Nam

*Các thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lục Trường Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lục Văn Phách – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 14/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 178, khu 3, thị trấn PM, huyện BM, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phạm Văn K - Luật sư, Văn phòng Luật sư ĐN thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 34, tổ 4, thị trấn SS, huyện SS, thành phố Hà Nội (Có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Đàm Thế D, sinh năm 1956 (Có mặt)

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1958 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đàm Thị Minh N, sinh năm 1984 (Có mặt)

- Ông Đàm Minh Đ, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Nguyễn Khoa H (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 thị trấn PM, huyện BM, tỉnh Cao Bằng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt có lý do).

2. Bà Mã Thị P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 3, thị trấn PM, huyện BM, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

3. Ông Phùng Văn D; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do).

4. Ông Tô Vĩnh P, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt không có lý do).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ T trình bày:*

Vợ chồng ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L là anh rể, chị gái của bà, hiện đang cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã nhờ bà vay tiền giúp tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng để giải quyết việc gia đình.

Là chị em ruột nên bà đã không nề hà giúp đỡ nhau lúc khó khăn; bà đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình bà tại thị trấn PM, huyện BM để vay tiền ngân hàng giúp cho vợ chồng ông D, bà L.

Bà đã ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng số: 8301-LAV-201801063 tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng để vay số tiền là: 2.900.000.000 đồng.

Vì ông D bà L nói cần tiền gấp nên chiều 28/11/2018 bà đã mang tiền mặt đến nhà ông D bà L số tiền là 2.500.000.000 đồng và ông D lập Giấy vay tiền bằng bút tích viết tay của ông D. Khi lập giấy có ông D, bà L, vợ chồng ông bà, bà Vũ Thị L chứng kiến, số tiền đưa trực tiếp tại thời điểm đó là 2.500.000.000 đồng, còn 400.000.000 đồng bà hẹn ngày 29/11/2018 sẽ chuyển khoản đến số tài khoản của bà L. Giấy vay tiền ông D viết với nội dung:

"Anh chị Đàm Thế D, Vũ Thị L nhờ dì Vũ T vay hộ Ngân hàng BM với số tiền là 2.900.000.000 đồng. Anh chị chịu trách nhiệm trả lãi lẫn gốc hàng tháng.

Nếu có mệnh hệ gì xảy ra, anh chị có nhà và đất để thế chấp cho dì. Các cháu Đ, N cùng chịu trách nhiệm chung".

Ghi chú: "Nếu gia đình anh chị không thanh toán được số nợ, nhờ chú, dì vay Ngân hàng thì đất và tài sản trên đất ở khu 11, thị trấn BL sẽ thuộc toàn quyền của chú, dì H.

Khi bà đến nhà ông D bà L thì đã có sẵn Giấy vay tiền, có chữ ký của các thành viên trong gia đình ông D và có sự chứng kiến của bà Vũ Thị L. Bà Mã Thị P không có mặt tại thời điểm viết giấy vay và giao tiền, khi về đến nhà bà mới cho bà P ký và mang đi xác nhận tại UBND thị trấn PM, huyện BM, tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình vay, ông D, bà L mới trả lãi cho bà 04 lần với tổng số tiền là 121.000.000 đồng.

Sau đó, ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L lấy lý do việc làm ăn đang gặp khó khăn, nên đã vi phạm thỏa thuận ngày 28/11/2018 là ông D, bà L phải trả tiền gốc lẫn lãi cho Ngân hàng. Vì vậy bà đã L tục phải lo xoay sở, vay mượn tiền của nhiều người để trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM; Cuộc sống của gia đình bà gặp vô vàn khó khăn, không có tiền đi viện và mua thuốc chữa bệnh.

\* Tại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện bà có yêu cầu: Yêu cầu ông D và bà L thanh toán cho bà các khoản tiền sau:

- Số tiền vay ngày 08/01/2019 là 207.000.000 đồng
- Số tiền vay ngày 09/01/2019 là 260.000.000 đồng
- Số tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội ngày 14/3/2019 số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 2.900.000.000 đồng và khoản tiền 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện BM. Đối với hai khoản tiền cho vay ngày 08/01/2019 và 09/01/2019 bà có thay đổi, yêu cầu ông D và bà L thanh toán số tiền 360.000.000 đồng như trong Bản kết luận điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để buộc ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L phải thực hiện thỏa thuận trong "Giấy vay tiền" ngày 28/11/2018: Phải trả tiền cho bà cả nợ gốc và lãi suất hàng tháng, để bà trả cho Ngân hàng nông nghiệp huyện BM với số tiền gốc là: 2.900.000.000 đồng. Yêu cầu ông D và bà L phải trả cho bà số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà bà đã vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện BM từ ngày 14/3/2019 đến nay. Yêu cầu ông D bà L phải trả cho bà số tiền 360.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất hàng tháng cho bà theo Hợp đồng tín dụng số: 8301-LAV-201801063 ngày 28/11/2018 của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM đề nghị

Tòa án buộc ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L phải giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, bà L tại tổ dân phố số 11 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng cho bà, theo sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L ghi nhận trong "Giấy vay tiền" ngày 28/11/2018 và giấy chuyển nhượng đất đai lập ngày 14/8/2019.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày:*

\* Khoản tiền vay thứ nhất:

Vợ chồng ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L là chị gái, anh rể đã nhờ bà Vũ T vay tiền giúp tại Ngân hàng để giải quyết việc gia đình.

Bà Vũ T đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình tại thị trấn PM, huyện BM để vay tiền ngân hàng giúp cho vợ chồng ông D, bà L.

Hợp đồng tín dụng Ngân hàng số: 8301-LAV-201801063 tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM - tỉnh Cao Bằng đã cho vay số tiền là: 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay là 120 tháng.

Ngày 28/11/2018, ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L cùng con trai Đàm Minh Đ và con gái là Đàm Thị Minh N đã nhận đầy đủ số tiền vay lại của bà H từ ngân hàng và cùng ký "Giấy vay tiền" với nội dung:

"Anh chị Đàm Thế D, Vũ Thị L nhờ dì Vũ T vay hộ Ngân hàng BM với số tiền là: 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Anh chị chịu trách nhiệm trả lãi lẫn gốc hàng tháng. Nếu có mệnh hệ gì xảy ra, anh chị có nhà và đất để thế chấp cho dì. Các cháu Đ, N cùng chịu trách nhiệm chung".

Ghi chú: "Nếu gia đình anh chị không thanh toán được số nợ, nhờ chú, dì vay Ngân hàng BM thì đất và tài sản trên đất ở khu 11, thị trấn BL sẽ thuộc toàn quyền sở hữu của chú, dì H".

Giấy vay tiền này đã được các thành viên gia đình là bà Vũ Thị L, ông Đàm Thế D, anh Đàm Minh Đ và chị Đàm Thị Minh N cùng ký tên; bà Vũ Thị L, bà Mã Thị P ký tên người làm chứng. Phó Chủ tịch UBND thị trấn PM là ông Mã Ngọc T đã ký xác nhận.

Như vậy đã có đủ các thành viên gia đình ông Đàm Thế D xác nhận việc đã nhận khoản tiền vay của bà Vũ T là 2.900.000.000 đồng.

Giấy vay tiền có thỏa thuận "...Anh chị có nhà đất để thế chấp cho dì. Các cháu Đ, N cùng trách nhiệm chung..."; Với sự tự nguyện cam kết đó đã đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết..."

Trong quá trình sử dụng tiền vay và phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi suất hàng tháng theo thỏa thuận thì ông D, bà L mới trả cho bà H số tiền lãi của

04 tháng là: Tháng 12/2018; Tháng 01, 02 và tháng 03/2019 với tổng số tiền là: 118.105.480 đồng;

Sau đó, ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L lấy lý do việc làm ăn đang gặp khó khăn, nên đã vi phạm thỏa thuận ngày 28/11/2018 là ông D, bà L phải trả tiền gốc lẫn lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Mặc dù bà H đã L tục yêu cầu ông D, bà L chuyển trả tiền để thanh toán với Ngân hàng BM; nhưng ông D, bà L vẫn không trả.

Vì vậy bà Vũ T đã liên tục phải lo xoay sở, vay mượn tiền của nhiều người để trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng A - Chi nhánh BM theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số: 8301-LAV-201801063.

Như vậy là ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L đã vi phạm thỏa thuận: "Anh, chị chịu trách nhiệm trả lãi lẫn gốc hàng tháng". Sử dụng tài sản vay không đúng mục đích mặc dù bà Vũ T đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông D, bà L vẫn không trả tiền nợ gốc và lãi suất theo định K cho bà H. Vi phạm nghĩa vụ theo từng kỳ, quy định tại khoản 2 Điều 278; đoạn 2 Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy bà Vũ T hoàn toàn có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn theo quy định tại Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2015.

\* Khoản vay thứ hai (tổng hợp 03 giao dịch vay tiền):

- Ngày 08/01/2019, bà H cho bà Vũ Thị L vay 207.000.000 đồng (Chuyển tiền vào tài khoản bà L);

- Ngày 09/01/2019 bà H cho bà L vay 260.000.000 đồng; Bà H đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Vũ Thị L số: 8302205006519 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có sao kê của Ngân hàng);

- Khoản vay hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BL, số tiền là: 50.000.000 đồng (Sổ vay tiền của Ngân hàng Chính sách);

Theo quy định tại khoản 9 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời khai của đương sự được coi là chứng cứ khi được ghi nhận bằng văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý được người có chức năng lập tại chỗ theo đúng thủ tục do pháp luật quy định. Đó là: Ghi nhận tại "Bản kết luận điều tra" số 05/CSHS ngày 01/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cao Bằng. Tại trang 5 có ghi: "Tại cơ quan điều tra, bà H và gia đình ông D cùng nhau xác định số tiền mà gia đình ông D phải trả cho bà H là:

- Số tiền 50.000.000 đồng, bà L nhờ bà H vay Ngân hàng chính sách với lãi suất 375.000 đồng/tháng vào ngày 14/3/2019. Kể từ ngày vay tiền đến nay, bà L chưa trả được tiền lãi và tiền gốc cho bà H.

- Số tiền mà bà H cho mẹ con L, N vay thời gian từ trước tháng 2/2019, đã trả một số lần và chốt lại còn 360.000.000 đồng".

Do đó, các khoản vay yêu cầu giải quyết của khoản 207.000.000 đồng và 260.000.000 đồng được các bên chốt lại là 360.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ thoả thuận tại "Giấy vay tiền" được xác lập giữa gia đình ông Đàm Thế D với bà Vũ T ngày 28/11/2018;

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay cả nợ gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 8301-LAV-201801063 mà bà Vũ T đã ký với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng ngày 28/11/2018.

Số tiền phải trả cho bà Vũ T bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng chẵn);

- Lãi suất: Theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng là: 12%/năm = 01%/tháng x 2.900.000.000 đồng = 29.000.000 đồng /tháng;

Tính từ tháng 4 năm 2019 đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là 29 tháng.

Cụ thể: 29.000.000 đồng/tháng x 29 tháng = 841.000.000 đồng;

Tổng gốc và lãi suất là: 2.900.000.000 đồng + 841.000.000 đồng = 3.741.000.000 đồng

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đàm Thế D và bà Vũ Thị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của khoản vay nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số: 8301-LAV-201801063 ngày 28/11/2018 của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng.

\* Khoản nợ cả gốc và lãi của Ngân hàng chính sách huyện BM:

Tính từ ngày 14/3/2019 đến khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là: 29 tháng (lãi suất = 0,75%/tháng):

50.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 375.000 đồng/tháng;

375.000 đồng x 29 tháng = 10.875.000 đồng.

Cộng gốc và lãi suất là: 50.000.000 đồng + 10.875.000 đồng = 60.875.000 đồng;

\* Khoản nợ đối chiếu tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cao Bằng:

Thời gian "bà H cho mẹ con bà L, N vay từ trước tháng 2/2019 đã trả một số lần và chốt lại còn 360.000.000 đồng". Như vậy, tính từ tháng 2/2019 đến nay là 31 tháng, bà Vũ Thị L đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ khoản nợ cho bà H. Do vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, bà H có quyền yêu cầu bà L phải trả lãi với mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nghĩa là lãi suất của khoản nợ 360.000.000 đồng x 10%/năm x 31 tháng:

$(50\% \times 20\%/năm) = 10\%/năm : 12 \text{ tháng} = 0,83\%/tháng;$

$360.000.000đ \times 0,83\% = 2.988.000/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} = 92.628.000 \text{ đồng};$

Cộng gốc và lãi suất là:  $360.000.000 \text{ đồng} + 92.628.000 \text{ đồng} = 452.628.000 \text{ đồng}.$

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

\*Thứ nhất:

Buộc ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L phải trả cho bà Vũ T 03 khoản nợ cả gốc và lãi suất; cụ thể như sau:  $3.741.000.000 \text{ đồng} + 60.875.000 \text{ đồng} + 452.628.000 \text{ đồng} = 4.254.503.000 \text{ đồng}.$

\*Thứ hai:

- Căn cứ thỏa thuận về thế chấp tài sản của các bên tại "Giấy vay tiền" ngày 28/11/2018 với nội dung: "Nếu gia đình anh chị không thanh toán được số nợ nhờ chú, dì vay Ngân hàng BM thì đất và tài sản trên đất ở khu 11 thị trấn BL sẽ thuộc toàn quyền sở hữu của chú dì H";

- Căn cứ sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L tại "Giấy chuyển nhượng đất đai" ngày 14/8/2019;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 299, Điều 301, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; khi hết thời gian tự nguyện thi hành án mà ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L không trả nợ cho bà Vũ T thì bà H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng thực hiện biện pháp cưỡng chế buộc ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L phải thực hiện thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 66; diện tích  $94m^2$  tại khu 11 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng cho ông Nguyễn Khoa H và bà Vũ T theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Đàm Thế D và bà Vũ Thị L trình bày:*

Không có sự việc ông bà vay tiền của bà Vũ T. Giấy vay tiền đề ngày 28/11/2018 và Giấy chuyển nhượng đất đai đề ngày 14/8/2019 là do ông D viết, tuy nhiên ông D viết dưới sự chỉ đạo của bà H. Sự việc viết giấy vay tiền ngày 28/11/2018 là không có, không có số tiền 2.500.000.000 đồng được giao như bà H trình bày, không có sự chứng kiến của bà L như bà H và bà L trình bày. Ông bà bác bỏ toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông bà không vay tiền bà H. Con gái ông bà là Đàm Thị Minh N vay nặng lãi với bà H, các mã vay và các khoản đã được thống kê lại. Vì con gái ông bà không có khả năng trả nợ nên bà H lăm le bằng tình cảm để ông bà viết giấy nhằm chiếm đoạt tài sản của ông bà. Chỉ lập một bản, lập xong bà H cầm đi ngay trong ngày, chỉ có bà H giữ giấy này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H ông bà không đồng ý, vì ông bà không được vay tiền bà H.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Đàm Thị Minh N trình bày:*

Bà là con của ông D và bà L, bà H là di ruột của bà. Giấy vay tiền lập ngày 28/11/2018 bà không được chứng kiến việc lập giấy vay tiền này, bà ký vào giấy vay tiền sau vài ngày. Giấy này chỉ lập một bản, sau đó bà H đến nhà bà cầm giấy vay tiền này đi. Bà vay tiền bà H nhiều lần với lãi suất trung bình 4,5 % đến 12%/01 tháng từ năm 2017 đến năm 2019.

Tại thời điểm tháng 11/2018 khi bà đang khó khăn, chưa kịp thời trả tiền lãi và gốc cho bà H thì bà đề nghị với bà là bà H đang vay ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng, bà H sẽ đáo hạn ngân hàng để vay thêm ra cho bà để bà trả bớt gốc và lãi còn lại cho bà H, hàng tháng bà sẽ trả lãi phần bà H vay ngân hàng giúp. Ngày 28/11/2018 bà H được giải ngân 2.900.000.000 đồng trong đó có 700.000.000 đồng là phần vay của bà H và 2.200.000.000 đồng là bà H vay giúp và trừ luôn các khoản gốc và lãi các khoản vay bà vay nặng lãi với bà H. Từ ngày 29/11/2018 sau khi chốt trừ gốc 1.800.000.000 đồng, bà còn vay bà H 400.000.000 đồng, ngày 03/12/2018 bà tiếp tục vay bà H 200.000.000 đồng, ngày 10/01/2019 bà tiếp tục vay bà H 100.000.000 đồng không tính lãi. Đến ngày 12/4/2019 bà H trừ gốc sang khoản vay ngân hàng và tính từ 12/4/2019 số tiền vay 2.900.000.000 đồng, sau ngày 29/11/2018 chốt trừ gốc và lãi các khoản bà H đã ép bố mẹ bà viết giấy vay tiền mặt, tổng số tiền là 2.900.000.000 đồng. Bà H nói bà không đủ tư cách để viết giấy vay tiền với bà H nên bà H yêu cầu bố mẹ bà là ông D bà L viết giấy vay tiền ngày 28/11/2018 để vay tiền hộ bà. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã xét xử bà H về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự trong đó có bà là người vay. Sự việc vay tiền là giữa bà và bà H, bố mẹ bà và em trai Đàm Minh Đ không liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà trình bày bà là người vay tiền, bà sẽ có trách nhiệm trả tiền cho bà H. Bà có vay tiền bà H nhiều lần theo các mã bà đã trình bày và làm đơn trình bày có trong hồ sơ. Sự việc vay tiền không liên quan đến bố mẹ bà, giấy vay tiền là bà H ép bố mẹ bà phải viết.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Đàm Minh Đ trình bày:*

Ông là con của ông D và bà L, bà N là chị gái của ông, bà H là di ruột của ông. Ông không biết sự việc giấy vay tiền ngày 28/11/2018, chữ ký trong giấy vay tiền không phải do ông ký. Ông không có trách nhiệm đối với yêu cầu thanh toán nợ của bà H.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Vũ Thị L trình bày:*

Bà là em gái ruột của bà L và bà H. Buổi chiều ngày 28/11/2018 vợ chồng bà H có gọi bà sang nhà ông D bà L. Khi bà xuống đến nơi thì thấy bà H giao tiền cho ông D, bà L. Bà nghe rõ bà L nói số tiền là 2.500.000.000 đồng và nhìn thấy tiền mặt để trên bàn. Bà H có nói số tiền còn lại là 400.000.000 đồng mai ngân hàng giải ngân thì bà H sẽ chuyển khoản cho bà L. Khi bà đến, đã có giấy vay tiền ghi ngày 28/11/2018 để trên bàn và có các chữ ký, bà đọc qua và đã ký làm chứng cho cả đôi bên. Tại thời điểm giao tiền có vợ chồng ông D, bà L, bà H và bà trực tiếp chứng kiến. Số tiền 400.000.000 đồng bà H có chuyển cho bà L hay không thì bà không biết.



Đối với giấy chuyển nhượng đất ngày 14/8/2019 bà L trình bày: Ông D và bà L muốn bán mảnh đất ghi trong giấy chuyển nhượng này cho người ngoài để lấy tiền trả nợ, nhưng không ai mua. Sau đó, ông D bà L gọi bà H đến và chuyển nhượng mảnh đất này cho bà H với số tiền 1.700.000.000 đồng để trừ bớt số tiền nợ đối với bà H, mảnh đất này là nửa cái bếp bà L và ông D đang sử dụng. Hôm đấy, mọi người cùng đến nhà ông D bà L để đo đất, ông D cầm thước đo và nói là bốn mét bảy chiều ngang mặt đường và cùng ký vào giấy chuyển nhượng. Riêng ông Tô Vĩnh P không có mặt, ông P ký sau, ký vào lúc nào bà không biết.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bà Mã Thị P trình bày:*

Bà là người giúp việc cho gia đình bà H. Ngày 28/11/2018 bà không được chứng kiến việc lập giấy vay tiền giữa bà H, ông D và bà L, bà không có mặt tại nhà ông D bà L. Trước đó, bà có được đưa bà H đến các cơ quan làm thủ tục vay tiền và bà H nói cho bà biết là vay tiền để cho ông D và bà L vay lại. Bà H cầm tờ giấy viết tay "Giấy vay tiền" về và bảo bà ký nên bà ký vào.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Phùng Văn D trình bày:*

Ngày 14/8/2019 bà H có mang giấy chuyển nhượng đất viết tay sang nhà ông và nhờ ông ký vào giấy này vì đất của ông giáp với mảnh đất được chuyển nhượng. Ông không được tham gia vào việc lập giấy chuyển nhượng này, sau khi lập xong mới mang sang cho ông ký, việc hai bên thoả thuận, đo đạc thế nào ông không biết. Vì đất của ông giáp ranh đất này, ông thấy bà H, ông D, bà L đã ký vào nên ông cũng ký.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà ông Tô Vĩnh P trình bày:*

Ông không biết việc chuyển nhượng đất giữa bà H ông D và bà L, ngày 14/8/2018 ông đang ở nhà thì bà H cầm giấy đến và bảo ông ký giúp, thời điểm đó ông là trưởng khu nên ông ký vào giấy này.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BL đã:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 278, Điều 282, Điều 466, Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ T.

Buộc ông Đàm Thế D và bà Vũ Thị L liên đới có trách nhiệm thanh toán cho bà H các khoản tiền sau:

- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng: Số tiền gốc 2.900.000.000 đồng và tiền lãi là 839.967.123 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay này là 3.739.967.123 đồng.

- Khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BM, tỉnh Cao Bằng: Số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 11.367.123 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay này là 61.367.123 đồng.

- Số tiền gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi là 92.628.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay này là 452.628.000 đồng.

Tổng số tiền ông D bà L phải liên đới thanh toán cho bà H là: 4.253.962.246 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông D và Bà L liên đới chịu án phí có giá ngạch là:

$112.000.000 \text{ đồng} + (0.1\% \times 4.253.962.246 \text{ đồng}) = 112.253.962 \text{ đồng}$

Hoàn trả lại cho bà H tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000 đồng theo biên lai thu AA/2018/0002935 ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Đàm Thế D, Vũ Thị L kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đàm Thế D, Vũ Thị L giữ nguyên kháng cáo, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đàm Thị Minh N, Đàm Minh Đ giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn Vũ T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án của Tòa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Rút một phần kháng nghị về thiếu sót của cấp sơ thẩm không xác định tư cách những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BM và Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện BM, giữ nguyên kháng nghị đối với việc xác định quan hệ tranh chấp “giấy vay tiền” là không đúng quy định của pháp luật, quan hệ tranh chấp phải là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, việc áp dụng điều luật đã viện dẫn và Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp là không chính xác, đề nghị xem xét việc tính lãi của khoản vay 2.900.000.000 đồng và hai khoản vay ngày 08 và ngày 09/01/2019 của số tiền 467.000.000 đồng còn lại 360.000.000đ chưa làm rõ các bên đã thanh toán 107.000.000 đồng như thế nào? Các bên có hợp đồng vay số tiền trên hay không? Thỏa thuận về lãi phải trả, ban hành văn bản tham khảo về tiền lãi xuất không đảm bảo khách quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BL tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp “Giấy vay tiền” là chưa chính xác về câu từ nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án. Bởi giấy vay tiền được xem là một giao dịch dân sự, thể hiện bằng hình thức văn bản, là một hợp đồng làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch vay tiền. Nay xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Cấp sơ thẩm không xác định ông Nguyễn Khoa H chồng của bà Vũ T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục, tại phiên tòa ông H khai biết việc các bên tranh chấp với nhau, trường hợp được tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì đồng ý để bà H có toàn quyền quyết định, không có yêu cầu.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn:

Ngày 05/10/2021 bị đơn Vũ Thị L, Đàm Thế D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Tại đơn kháng cáo, bà L, ông D cho rằng ông bà không hề vay mượn tiền với bà H, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với giấy vay tiền lập ngày 28/11/2018: Theo ông D, bà L, do con gái ông bà là Đàm Thị Minh N vay nặng lãi với bà Vũ T không có khả năng trả, nên bà H ép ông D viết giấy vay tiền. Thực tế không có việc giao tiền 2.500.000.000 đồng như bà H và bà L trình bày. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, ông D, bà L, bà N và bà H đều thừa nhận Giấy viết tay ngày 28/11/2018 là do ông D viết, mặt sau của Giấy viết tay là bút tích của bà L và chỉ có một bản duy nhất do bà H giữ. Ông D, bà L trình bày sau khi viết xong thì bà H giữ ngay giấy này. Như vậy, việc lập giấy vay tiền là sự kiện có thật được các bên thừa nhận. Ông D, bà L và bà N cho rằng việc lập giấy là do bị ép buộc nhưng không đưa ra được chứng cứ về việc bị ép buộc, cưỡng ép. Bà H xác nhận vợ chồng ông D, bà L đã trả được tiền lãi từ ngày 28/11/2019 đến ngày 23/4/2019 số tiền 121.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà L thừa nhận chuyển khoản thanh toán tiền lãi hàng tháng cho bà H, lần cuối là đưa tiền mặt bằng phong bì có ghi lãi trả ngân hàng Nông nghiệp số tiền 30.000.000 đồng bằng tiền phúng viếng mẹ, như vậy có thể thấy nếu không có sự kiện vay nợ sẽ không có việc gửi tiền trả lãi hàng tháng. Giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp có xác nhận của người làm chứng là bà L em ruột bà H, bà L. Bà L có mặt tại thời điểm viết giấy vay tiền và xác nhận ngày 28/11/2018 bà H giao 2.500.000.000 đồng tiền mặt và sẽ chuyển khoản 400.000.000 đồng vào ngày hôm sau. Nguyên đơn xuất trình chứng cứ chuyển khoản vào ngày hôm sau là 405.000.000 đồng do đó cấp sơ thẩm buộc ông D bà L phải liên đới thanh toán số tiền trên và lãi xuất phát sinh là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện BM từ ngày 14/3/2019 đến nay và khoản vay 360.000.000 đồng: Tại trang 05 Bản kết luận điều tra số 05/CSHS ngày 01/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng về vụ việc bà Đàm Thị Minh N tố giác bà Vũ T có hành vi cho vay lãi nặng có ghi:

*“Tại Cơ quan điều tra, bà H và gia đình ông D cùng nhau xác định số tiền mà gia đình ông D phải trả cho bà H là:*

*...*

*- Số tiền 50.000.000đ, bà L nhờ bà H vay Ngân hàng chính sách với lãi suất là 375.000đ/1 tháng vào ngày 14/3/2019. Kể từ ngày vay tiền đến nay, bà H trả gốc, đã trả lãi hàng tháng đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách, bà L chưa trả được tiền lãi và tiền gốc cho bà H.*

*- Số tiền mà bà H cho mẹ con L, N vay thời gian từ trước tháng 2/2019, đã trả một số lần và chốt lại còn 360.000.000đ”.*

Bà H cung cấp Hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng giữa bà và Ngân hàng chính sách xã hội huyện BM, chứng cứ nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời khai của hai bên đã được kết luận tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Do đó cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn phải L đới trả khoản nợ 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là có căn cứ đúng pháp luật.

Do đó kháng cáo của các bị đơn đối với 02 khoản tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản vay 360.000.000 đồng không có giấy vay tiền, không có thỏa thuận thời gian vay, thời hạn trả nợ, thỏa thuận về lãi suất giữa hai bên nên không xác định được thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ, lãi xuất. Bà H cung cấp được hai chứng từ chuyển khoản ngày 8 và ngày 9 tháng 01 năm 2019 với tổng số tiền là 467.000.000 đồng, chứng cứ trên phù hợp với nhận định tại kết luận điều tra “các khoản vay trước tháng 02 năm 2019 được chốt lại còn 360.000.000đ”, hai bên không cung cấp được chứng cứ đã trả 107.000.000đ, số tiền nguyên đơn yêu cầu thấp hơn số tiền đã chuyển khoản là có lợi cho bị đơn. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, buộc bà L, ông D, có trách nhiệm L đối thanh toán cho bà H số tiền gốc vay là 360.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi số tiền lãi 92.628.000 đồng khoản vay 360.000.000 đồng này mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm chị Đàm Thị Minh N khai: Tổng số nợ của bố mẹ chị với bà H thực tế là tiền chị vay nặng lãi với bà H, hai bên viết giấy nhận nợ là để chốt lại, số tiền 360.000.000đ chị nhờ bà H chuyển khoản vào tài khoản của mẹ chị để nhận giúp nên chị có nghĩa vụ trả nợ, ngoài lời khai tại tòa chị N không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh. Quan hệ vay nặng lãi giữa chị N và bà H đã được giải quyết trong vụ án hình sự khác không có liên quan đến số tiền nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu.

### [3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ tranh chấp là giấy vay tiền, áp dụng sai điều luật. Hội đồng xét xử đã nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Giấy vay tiền” là chưa chính xác về tên quan hệ tranh chấp, nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, có nhầm lẫn về luật áp dụng năm 2015 thành năm 2005. Do đó cần nghiêm túc rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm trong thời gian tới khi giải quyết các vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản tránh để xảy ra những thiếu sót tương tự.

Về nội dung kháng nghị không đưa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện BM vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy quan hệ vay tiền giữa vợ chồng bà L, ông D với bà H là hoàn toàn độc lập, giữa bà H với bà L, ông D không có hợp đồng bảo lãnh đối với khoản vay 2.900.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BM cũng như khoản vay 50.000.000 tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện BM của bà H, ông H. Hai khoản vay này bà H, ông H là người trực tiếp vay và phải có nghĩa vụ thanh toán với các Ngân hàng đó. Do đó, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BM và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện BM không là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng rút kháng nghị nội dung trên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Về nội dung kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành công văn phối hợp với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BL và Ngân

hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện BL để tính lãi đối với các khoản vay là không đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ban hành công văn yêu cầu các Ngân hàng xác định lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo. Hai ngân hàng của huyện BL đều cùng hệ thống các ngân hàng đã cho vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi đối với các khoản vay đã đảm bảo theo đúng mức lãi của các ngân hàng tại thời từng thời điểm và khoảng thời gian tính lãi nên nội dung kháng nghị này là không có căn cứ.

Về nội dung kháng nghị đối với hai khoản vay ngày 08/01/2019 và 09/01/2019 là 467.000.000 đồng nhưng bản án chỉ ghi 360.000.000 đồng, thiếu 107.000.000 đồng chưa làm rõ. Số tiền 360.000.000 đồng đã được các bên xác nhận trong quá trình điều tra vụ án hình sự bà Vũ T đã bị xét xử về tội cho vay lãi nặng. Tuy không có tài liệu nào thể hiện bà L, ông D, bà N đã thanh toán 107.000.000 đồng cho bà H nhưng khoản nợ được các bên chốt lại thấp hơn tổng số tiền theo 02 chứng từ chuyển tiền ngày 08/01/2019 và 09/01/2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền vay là 360.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Nhưng cấp sơ thẩm tính lãi của khoản vay này là chưa chính xác, các bên không cung cấp được hợp đồng vay, không có cơ sở để xác định thời hạn trả nợ, thỏa thuận về lãi xuất, thời gian vi phạm nghĩa vụ, như đã phân tích ở trên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Buộc bà L ông D phải L đới thanh toán số tiền gốc là 360.000.000 đồng.

Về nội dung kháng nghị ông D phải chịu hai lần tiền lãi đối với khoản vay 2.900.000.000 đồng. Theo bà H xác nhận và tại giai đoạn điều tra vụ án và Vũ T cho vay lãi nặng xác định: số tiền lãi ông D, bà L đã trả cho bà H trong 4 tháng từ ngày 28/11/2018 đến ngày 23/4/2019 là 121.000.000 đồng. Hơn nữa, ông D, bà L không có ý kiến gì về việc trả lãi đối với khoản vay này nên không có cơ sở cho rằng ông D, bà L phải trả hai lần tiền lãi của khoản vay 2.900.000.000 đồng từ ngày 28/11/2018 đến ngày 23/4/2019, cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi của khoản vay buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán từ tháng 4/2019 là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và một phần kháng cáo của đồng bị đơn.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí P thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D, bà L đã nộp, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án về phần án phí sơ thẩm.

Bà Vũ T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi 92.628.000 đồng của khoản vay 360.000.000 đồng nhưng không được chấp nhận.

Ông Đàm Thế D, bà Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Vũ T.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, Điều 467, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và một phần kháng cáo của bị đơn Vũ Thị L, Đàm Thế D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BL tỉnh Cao Bằng.

Xử:

1. Buộc ông Đàm Thế D và bà Vũ Thị L phải liên đới thanh toán cho bà Vũ T các khoản tiền sau:

- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BM, tỉnh Cao Bằng: Số tiền gốc 2.900.000.000 đồng và tiền lãi là 839.967.123 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay này là 3.739.967.123 đồng;

- Khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện BM, tỉnh Cao Bằng: Số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 11.367.123 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay này là 61.367.123 đồng;

- Số tiền gốc 360.000.000 đồng vay trước tháng 02/2019.

Tổng số tiền ông Đàm Thế D và bà Vũ Thị L phải L đới thanh toán cho bà Vũ T là: 4.161.334.246 đồng.

2. Về án phí: Trả lại cho ông Đàm Thế D, bà Vũ Thị L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000 đồng Theo các biên lai số: 0001202 và số: 0001203 cùng ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án về phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Đàm Thế D và Bà Vũ Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 112.161.334 đồng.

Bà Vũ T phải chịu 4.631.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu lãi xuất của số tiền 360.000.000đ không được chấp nhận. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp là 40.000.000 đồng theo biên lai thu AA/2018/0002935 ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng, trả lại cho bà Vũ T số tiền 35.368.600 đồng. Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh CB;
- CC THADS huyện BL;
- TAND huyện BL;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP
- Lưu hồ sơ;
- Lưu AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nông Hà Nam**